

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CHUYÊN KHOA CẤP I NĂM 2025

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
		1. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (79)							
1	1	23.01.01.0001	Hồ Nguyễn Bình	An	Nữ	14/02/1995	8.5	7.5	
2	2	23.01.01.0003	Trần Thị Hoài	An	Nữ	27/01/1996	9.0	7.5	
3	3	23.01.01.0004	Huỳnh Ngọc	Anh	Nam	20/11/1994	8.5	8.0	
4	4	23.01.01.0005	Phạm Hoàng	Anh	Nữ	02/05/1991	8.0	7.0	
5	5	23.01.01.0012	Đặng Mai	Dương	Nam	08/03/1973	9.0	7.5	
6	6	23.01.01.0015	Cao	Đặng	Nam	14/08/1981	8.5	7.0	
7	7	23.01.01.0018	Trần Ngọc Quỳnh	Giao	Nữ	01/02/1994	8.0	7.0	
8	8	23.01.01.0019	Nguyễn Mạnh	Hà	Nam	10/11/1989	9.0	6.5	
9	9	23.01.01.0020	Võ Lê Thanh	Hà	Nữ	30/06/1995	9.0	5.5	
10	10	23.01.01.0026	Đỗ Thị Thúy	Hằng	Nữ	28/04/1995	8.5	6.5	
11	11	23.01.01.0029	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	27/09/1993	8.5	7.5	
12	12	23.01.01.0030	Nguyễn Hồng	Hiếu	Nam	02/03/1992	9.0	6.0	
13	13	23.01.01.0031	Đặng Minh	Hoàng	Nam	18/09/1994	7.5	6.0	
14	14	23.01.01.0033	Phạm Huy	Hoàng	Nam	23/01/1995	8.5	6.5	
15	15	23.01.01.0034	Lê Anh	Huy	Nam	31/10/1990	VẮNG	VẮNG	
16	16	23.01.01.0035	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	08/12/1995	8.5	6.0	
17	17	23.01.01.0038	Giang Thị Thu	Hương	Nữ	23/08/1995	9.5	8.0	
18	18	23.01.01.0039	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	02/10/1995	8.5	5.5	
19	19	23.01.01.0044	Trần Ngọc Kim	Khánh	Nữ	21/11/1995	9.5	7.5	
20	20	23.01.01.0045	Trần Nhân	Khánh	Nam	21/04/1994	8.5	7.5	
21	21	23.01.01.0048	Nguyễn Văn	Khoa	Nam	01/12/1994	8.0	7.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
22	22	23.01.01.0050	Bùi Trần	Kính	Nam	26/12/1995	7.0	8.0	
23	23	23.01.01.0052	Trần Thị Hoàng	Lan	Nữ	09/01/1984	8.5	6.0	
24	24	23.01.01.0054	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	28/08/1991	8.5	7.5	
25	25	23.01.01.0055	Nguyễn Xuân	Linh	Nam	07/12/1996	9.5	8.0	
26	26	23.01.01.0057	Đặng Công	Long	Nam	04/02/1994	8.5	8.5	
27	27	23.01.01.0058	Trần Hải	Long	Nam	20/04/1994	8.5	5.5	
28	28	23.01.01.0060	Trương Thành	Lợi	Nam	30/11/1995	8.0	6.0	
29	29	23.01.01.0063	Lại Như	Mai	Nữ	13/06/1993	8.5	6.0	
30	30	23.01.01.0065	Phạm Hương	Mai	Nữ	02/03/1995	8.0	7.0	
31	31	23.01.01.0069	Châu Văn	Nghĩa	Nam	19/01/1995	8.5	5.5	
32	32	23.01.01.0071	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	24/02/1995	9.0	6.0	
33	33	23.01.01.0074	Phan Văn	Ngộ	Nam	21/06/1995	9.0	6.0	
34	34	23.01.01.0075	Phạm Khôi	Nguyên	Nữ	17/02/1994	8.0	6.0	
35	35	23.01.01.0079	Lê Trần Minh	Nhật	Nam	06/03/1993	8.5	8.0	
36	36	23.01.01.0080	Lê Thị Lâm	Nhi	Nữ	13/03/1996	9.5	8.0	
37	37	23.01.01.0082	Trần Duy Phương	Nhi	Nữ	08/12/1995	8.5	5.5	
38	38	23.01.01.0084	Huỳnh Thị Ngọc	Như	Nữ	30/12/1996	8.5	8.5	
39	39	23.01.01.0086	Hoàng Nam	Phương	Nam	14/10/1994	8.5	7.0	
40	40	23.01.01.0088	Nguyễn Duy	Phương	Nam	07/03/1994	8.5	7.0	
41	41	23.01.01.0093	Huỳnh Mỹ	Quyên	Nữ	03/09/1995	8.5	6.5	
42	42	23.01.01.0095	Nguyễn Trần Hạnh	Quyên	Nữ	22/02/1996	9.0	7.5	
43	43	23.01.01.0096	Hồ Thị	Quỳnh	Nữ	01/01/1994	9.0	6.0	
44	44	23.01.01.0098	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	18/08/1996	9.0	6.0	
45	45	23.01.01.0106	Vũ Thị Thanh	Tâm	Nữ	18/04/1980	8.5	7.5	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
46	46	23.01.01.0107	Nguyễn Minh	Tân	Nam	08/01/1992	9.5	8.5	
47	47	23.01.01.0108	Huỳnh Thị Mỹ	Thanh	Nữ	28/06/1991	9.0	6.0	
48	48	23.01.01.0109	Phan Hà	Thanh	Nữ	20/08/1995	9.0	7.0	
49	49	23.01.01.0110	Phùng Thị Thanh	Thanh	Nữ	28/06/1993	8.5	8.0	
50	50	23.01.01.0112	Trần Thị	Thanh	Nữ	03/11/1995	8.5	6.5	
51	51	23.01.01.0113	Đàm Thị Út	Thảo	Nữ	25/07/1995	9.0	7.5	
52	52	23.01.01.0114	Nguyễn Hữu	Thảo	Nam	08/04/1991	9.0	6.5	
53	53	23.01.01.0115	Võ Thị Hiếu	Thảo	Nữ	15/08/1994	8.5	6.5	
54	54	23.01.01.0117	Nguyễn Cao	Thắng	Nam	11/11/1995	8.0	6.5	
55	55	23.01.01.0118	Phạm Văn	Thắng	Nam	1980	8.5	6.5	
56	56	23.01.01.0119	Nguyễn Bá	Thoại	Nam	04/09/1995	8.0	7.0	
57	57	23.01.01.0122	Nguyễn Đặng Uyên	Thùy	Nữ	31/03/1996	9.0	6.5	
58	58	23.01.01.0123	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	28/08/1995	8.0	6.5	
59	59	23.01.01.0124	Trần Thị Lệ	Thủy	Nữ	05/01/1994	9.0	8.0	
60	60	23.01.01.0126	Phạm Thị	Thúy	Nữ	02/07/1994	9.5	6.5	
61	61	23.01.01.0130	Nguyễn Thị	Tiến	Nữ	25/05/1980	9.5	6.5	
62	62	23.01.01.0133	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	21/04/1995	7.5	8.0	
63	63	23.01.01.0135	Ngô Thùy	Trâm	Nữ	09/07/1991	9.0	6.5	
64	64	23.01.01.0139	Võ Trần	Trí	Nam	26/03/1994	8.5	8.0	
65	65	23.01.01.0140	Bùi Văn	Trọng	Nam	05/02/1995	8.5	7.5	
66	66	23.01.01.0141	Lê Tấn	Trung	Nam	10/02/1988	8.0	8.0	
67	67	23.01.01.0143	Lương Hữu	Trường	Nam	24/02/1992	8.5	7.5	
68	68	23.01.01.0144	Bùi Ngọc	Tú	Nam	22/12/1995	9.0	6.0	
69	69	23.01.01.0147	Thuận Thị Thanh	Tuyền	Nữ	27/11/1991	8.0	7.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
70	70	23.01.01.0150	Đào Quốc	Uy	Nam	29/10/1994	9.0	7.0	
71	71	23.01.01.0151	Nguyễn Như	Út	Nam	1976	8.5	5.5	
72	72	23.01.01.0153	Trần Thị	Vui	Nữ	25/09/1993	8.5	7.5	
73	73	23.01.01.0154	Nguyễn Cát	Vũ	Nữ	02/04/1994	7.5	7.5	
74	74	23.01.01.0155	Lê Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	26/09/1993	8.5	6.5	
75	75	23.01.01.0156	Lê Thị Tiết	Xuân	Nữ	25/12/1996	8.5	7.5	
76	76	23.01.01.0157	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	Nữ	26/06/1995	9.0	8.0	
77	77	23.01.01.0158	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	01/07/1996	9.0	7.5	
78	78	22.01.01.0045	Trần Thị	Lài	Nữ	02/09/1995	9.0	7.0	NK 2022
79	79	22.01.01.0066	Bùi Thị Ý	Nhi	Nữ	10/01/1994	8.0	6.5	NK 2022
2. CHẤM THƯỜNG CHÍNH HÌNH (30)									
80	1	23.01.02.0159	Hồ Lê Tường	Anh	Nam	19/06/1994	9.5	8.0	
81	2	23.01.02.0160	Lê Hoàng	Anh	Nam	17/04/1995	9.0	8.5	
82	3	23.01.02.0163	Đoàn Nguyên	Bình	Nam	11/02/1995	9.5	7.5	
83	4	23.01.02.0164	Phạm Xuân	Bình	Nam	03/08/1991	9.0	8.0	
84	5	23.01.02.0165	Cao Thế	Bửu	Nam	30/04/1991	9.0	7.5	
85	6	23.01.02.0170	Nguyễn Khoa	Danh	Nam	12/08/1994	7.5	9.0	
86	7	23.01.02.0181	Nguyễn Minh	Hiền	Nam	07/10/1995	8.0	7.5	
87	8	23.01.02.0182	Huỳnh Trung	Hiếu	Nam	12/05/1995	8.5	7.0	
88	9	23.01.02.0184	Đồng Tiến	Hiệp	Nam	08/06/1995	9.0	7.5	
89	10	23.01.02.0185	Phạm Nguyên	Hoàng	Nam	02/11/1991	9.0	8.5	
90	11	23.01.02.0188	Lê Trần	Hùng	Nam	13/09/1994	9.5	6.5	
91	12	23.01.02.0190	Trần Đình	Khang	Nam	03/06/1993	9.5	7.0	
92	13	23.01.02.0196	Hoàng Mạnh	Linh	Nam	27/01/1995	8.5	8.0	
93	14	23.01.02.0198	Nguyễn Trương	Mạnh	Nam	24/02/1995	8.0	8.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
94	15	23.01.02.0199	Lưu Anh	Minh	Nam	11/09/1995	9.5	8.0	
95	16	23.01.02.0201	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	02/03/1993	8.0	8.5	
96	17	23.01.02.0202	Lê Giang	Nam	Nam	03/08/1993	9.0	7.0	
97	18	23.01.02.0206	Lê Thanh	Phong	Nam	03/03/1995	9.0	8.0	
98	19	23.01.02.0207	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	30/06/1995	8.0	8.0	
99	20	23.01.02.0208	Nguyễn Minh	Phương	Nam	07/11/1995	8.0	8.0	
100	21	23.01.02.0209	Hà Ngọc	Phước	Nam	10/01/1994	8.5	8.0	
101	22	23.01.02.0211	Nguyễn Văn	Quyên	Nam	18/06/1992	8.0	8.5	
102	23	23.01.02.0214	Lê Cao	Tài	Nam	30/08/1995	9.0	8.0	
103	24	23.01.02.0217	Phạm Công Tâm	Thắng	Nam	13/05/1996	9.0	8.0	
104	25	23.01.02.0221	Trần Phúc	Toàn	Nam	21/07/1995	9.0	6.0	
105	26	23.01.02.0224	Đậu Ngọc	Trọng	Nam	15/11/1992	9.0	6.5	
106	27	23.01.02.0226	Trương Anh	Tuấn	Nam	03/02/1987	8.0	6.0	
107	28	23.01.02.0227	Vương Đình	Tuyển	Nam	01/06/1990	8.0	7.5	
108	29	23.01.02.0230	Phạm Phú	Việt	Nam	27/06/1994	9.5	8.5	
109	30	23.01.02.0234	Võ Văn	Xướng	Nam	14/05/1995	8.5	6.0	

3. DA LIỆU (32)

110	2	23.01.03.0241	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	04/06/1994	6.0	7.0	
111	3	23.01.03.0243	Phạm Thị Kim	Anh	Nữ	19/08/1995	7.0	7.5	
112	4	23.01.03.0246	Trương Thị Thái	Bình	Nữ	30/06/1995	7.5	7.5	
113	5	23.01.03.0248	Lê Thành	Công	Nam	02/02/1996	8.0	9.0	
114	6	23.01.03.0249	Nguyễn Hồ Hoàng	Diễm	Nữ	27/02/1991	8.0	5.5	
115	7	23.01.03.0250	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	05/02/1996	7.0	5.0	
116	8	23.01.03.0255	Nguyễn Thụy Thùy	Dương	Nữ	27/06/1994	7.0	8.5	
117	9	23.01.03.0258	Nguyễn Hoàng Gia	Đức	Nam	13/11/1993	5.0	7.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
118	10	23.01.03.0267	Hồ Ngọc	Hân	Nữ	15/03/1996	6.0	8.0	
119	11	23.01.03.0270	Hạp Thị	Hoa	Nữ	23/10/1995	7.5	7.0	
120	12	23.01.03.0280	Dương Hoàng	Khánh	Nam	03/08/1995	6.0	8.5	
121	13	23.01.03.0291	Bùi Thảo	Ly	Nữ	28/02/1995	7.5	7.5	
122	14	23.01.03.0292	Lê Ngọc Cẩm	Minh	Nữ	29/07/1987	8.0	7.0	
123	15	23.01.03.0294	Tào Hằng	Nga	Nữ	09/05/1994	9.0	8.0	
124	16	23.01.03.0298	Nguyễn Hữu	Ngọc	Nam	23/08/1993	7.5	7.5	
125	17	23.01.03.0304	Đặng Thị Minh	Nguyệt	Nữ	28/01/1995	7.0	8.0	
126	18	23.01.03.0305	Nguyễn Phạm Bình Gia	Nhã	Nữ	01/11/1995	6.5	8.5	
127	19	23.01.03.0312	Trần Hoàng Yến	Nhi	Nữ	24/05/1994	6.0	6.0	
128	20	23.01.03.0322	Đoàn Thị Thu	Phòng	Nữ	04/03/1996	7.5	6.5	
129	21	23.01.03.0327	Lê Quỳnh	Phương	Nữ	09/09/1994	8.0	8.5	
130	22	23.01.03.0332	Hoàng Thị	Phượng	Nữ	29/09/1995	7.5	7.5	
131	23	23.01.03.0338	Trần Ngọc	Quỳnh	Nữ	05/10/1995	9.5	8.0	
132	24	23.01.03.0343	Võ Thị Diễm	Sương	Nữ	23/12/1995	7.0	6.5	
133	25	23.01.03.0364	Lê Khắc Anh	Thư	Nữ	23/08/1981	7.5	7.5	
134	26	23.01.03.0367	Phạm Hữu	Tiến	Nam	12/02/1994	7.5	6.5	
135	27	23.01.03.0371	Nguyễn Ngọc	Trăm	Nữ	09/05/1995	6.0	7.5	
136	28	23.01.03.0373	Huỳnh Huyền	Trân	Nữ	24/09/1981	8.0	8.5	
137	29	23.01.03.0379	Nguyễn Thị Phương	Trúc	Nữ	03/03/1993	3.0	7.5	
138	30	23.01.03.0388	Nguyễn Hoàng Trúc	Vy	Nữ	20/01/1995	9.0	8.5	
139	31	23.01.03.0389	Châu Thị Thanh	Xuân	Nữ	25/01/1995	6.0	7.0	
140	32	22.01.03.0274	Nguyễn Vũ Ty	Na	Nữ	24/11/1994	5.0	5.0	THTN NK 2022
141	1	22.01.03.0274	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	09/08/1991	5.0	6.5	LTTN NK 2022
4. ĐƯỢC LÝ - ĐƯỢC LÂM SÀNG (9)									

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
142	1	22.01.31.0008	Lê Ngọc	Thơ	Nữ	16/11/1984	7.5	9.0	NK 2022
143	2	23.01.31.1229	Trần Đình Tuấn	Dũng	Nam	05/09/1995	7.5	9.0	
144	3	23.01.31.1230	Trần Thị Khánh	Ly	Nữ	02/02/1984	6.0	8.5	
145	4	23.01.31.1231	Đặng Nhân	Nghĩa	Nam	15/07/1991	7.5	8.5	
146	5	23.01.31.1232	Nguyễn Hoàn	Phong	Nam	11/04/1985	7.5	9.0	
147	6	23.01.31.1233	Lê Thị Tuyết	Phương	Nữ	20/12/1990	7.5	8.5	
148	7	23.01.31.1234	Phạm Thị Minh	Thanh	Nữ	24/12/1989	7.5	8.5	
149	8	23.01.31.1235	Võ Ngọc	Thanh	Nam	18/11/1993	8.0	9.0	
150	9	23.01.31.1236	Lưu Thị Thu	Thủy	Nữ	13/06/1994	6.5	7.5	
5. ĐIỀU DƯỠNG (25)									
151	1	23.01.04.0393	Nguyễn Thị Thanh	Cẩm	Nữ	03/02/1987	8.5	9.0	
152	2	23.01.04.0397	Trần Thị Ngọc	Dung	Nữ	28/04/1985	8.0	8.5	
153	3	23.01.04.0398	Nguyễn Thị Anh	Đào	Nữ	25/06/1982	8.5	8.0	
154	4	23.01.04.0399	Phan Công	Đức	Nam	10/12/1971	8.5	8.0	
155	5	23.01.04.0402	Trà Phương	Hiếu	Nữ	01/11/1987	8.5	8.0	
156	6	23.01.04.0404	Tô Thị Ngọc	Lành	Nữ	08/04/1982	7.5	7.5	
157	7	23.01.04.0406	Lê Thị	Lụa	Nữ	15/05/1986	7.5	8.0	
158	8	23.01.04.0409	Đinh Thị Mỹ	Nhíp	Nữ	20/03/1988	8.0	8.0	
159	9	23.01.04.0410	Hoàng Thị	Phương	Nữ	10/02/1982	8.0	8.0	
160	10	23.01.04.0411	Võ Thị Kim	Phượng	Nữ	20/09/1975	7.5	8.0	
161	11	23.01.04.0412	Hoàng Thị Ngọc	Quý	Nữ	29/05/1984	7.5	7.5	
162	12	23.01.04.0414	Lê Thị	Thanh	Nữ	15/08/1983	8.0	8.5	
163	13	23.01.04.0415	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	12/08/1995	7.5	8.5	
164	14	23.01.04.0416	Võ Ngọc Thy	Thảo	Nữ	15/06/1981	7.5	8.5	
165	15	23.01.04.0417	Võ Thị Thu	Thảo	Nữ	30/08/1983	6.5	8.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
166	16	23.01.04.0418	Phạm Thị Hồng	Thủy	Nữ	09/02/1981	8.5	8.0	
167	17	23.01.04.0419	Huỳnh Thị	Thúy	Nữ	02/11/1987	7.5	8.0	
168	18	23.01.04.0421	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	29/09/1980	6.5	8.0	
169	19	23.01.04.0422	Lê Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	07/11/1988	7.5	8.5	
170	20	23.01.04.0423	Lê Thụy Minh	Trâm	Nữ	05/03/1983	7.0	8.5	
171	21	23.01.04.0428	Đỗ Thị Bạch	Tuyết	Nữ	19/5/1984	7.5	8.5	
172	22	23.01.04.0429	Phan Thị Hồng	Tuyết	Nữ	09/07/1990	8.5	8.5	
173	23	23.01.04.0430	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	20/08/1975	8.0	7.5	
174	24	23.01.04.0432	Trần Thị	Yến	Nữ	07/04/1973	7.5	7.5	
175	25	22.01.04.0321	Dương Văn	Ba	Nam	02/06/1969	VẮNG	VẮNG	NK 2022
6. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ (21)									
176	1	23.01.13.0930	Mai Nguyễn Thiên	Ân	Nữ	23/10/1995	7.0	8.0	
177	2	23.01.13.0932	Võ Phù Mỹ	Dung	Nữ	25/05/1995	6.0	8.0	
178	3	23.01.13.0933	Văn Công	Duy	Nam	25/11/1995	6.5	6.5	
179	4	23.01.13.0934	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	24/12/1992	8.0	8.0	
180	5	23.01.13.0935	Bùi Tuấn	Đạt	Nam	10/07/1994	8.0	7.0	
181	6	23.01.13.0936	Đặng Hải	Đăng	Nam	24/03/1996	7.0	7.5	
182	7	23.01.13.0938	Nguyễn Thị Trà	Giang	Nữ	24/05/1995	8.0	7.5	
183	8	23.01.13.0940	Võ Hồng	Hải	Nam	22/07/1994	7.5	8.0	
184	9	23.01.13.0944	Nguyễn Thị	Huy	Nữ	03/05/1995	7.5	8.0	
185	10	23.01.13.0947	Nguyễn Thị Trang	Linh	Nữ	03/05/1972	9.0	7.5	
186	11	23.01.13.0949	Đoàn Huỳnh	Lợi	Nam	26/04/1993	7.5	7.5	
187	12	23.01.13.0952	Nguyễn Thanh Trọng	Nhân	Nam	06/01/1988	6.0	7.0	
188	13	23.01.13.0953	Phạm Nguyễn Tài	Nhân	Nam	10/02/1995	8.0	7.5	
189	14	23.01.13.0954	Lê Hoàng	Nhật	Nam	23/03/1993	7.0	8.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
190	15	23.01.13.0957	Nguyễn Hữu	Phục	Nam	30/05/1984	8.0	7.0	
191	16	23.01.13.0958	Võ Ngọc	Thái	Nam	01/04/1986	7.5	8.5	
192	17	23.01.13.0961	Trần Trung	Tín	Nam	01/01/1984	6.0	8.5	
193	18	23.01.13.0963	Nguyễn Dương Công	Toàn	Nam	13/12/1988	7.5	7.5	
194	19	23.01.13.0964	Vũ Tuấn	Toàn	Nam	12/08/1994	8.0	7.5	
195	20	23.01.13.0966	Võ Minh	Tuấn	Nam	26/05/1990	8.0	8.0	
196	21	23.01.13.0968	Võ Ngọc	Tú	Nữ	18/03/1995	7.5	7.5	
7. RĂNG HÀM MẬT (3)									
197	1	23.01.32.1238	Bùi Thị Đức	Hạnh	Nữ	16/03/1984	7.0	9.0	
198	2	23.01.32.1239	Đỗ Trọng	Nam	Nam	05/03/1989	7.0	7.5	
199	3	22.01.32.0014	Vũ Biên	Luận	Nam	30/07/1984	5.5	8.5	LTTN NK 2022
8. SẢN PHỤ KHOA (36)									
200	1	23.01.15.0976	Trần Thị Ngọc	Bích	Nữ	16/02/1993	7.5	9.0	
201	2	23.01.15.0980	Ngô Văn	Công	Nam	19/06/1991	8.0	7.5	
202	3	23.01.15.0982	Dương Thị	Dịu	Nữ	07/06/1996	8.0	8.0	
203	4	23.01.15.0986	Võ Thị Thùy	Dung	Nữ	15/08/1996	7.5	8.5	
204	5	23.01.15.0988	Phạm Hoàng Xuân	Duy	Nam	25/07/1995	8.0	7.0	
205	6	23.01.15.0989	Vũ Văn	Duy	Nam	08/12/1995	7.5	6.0	
206	7	23.01.15.0992	Dương Phan Ngọc	Điệp	Nữ	30/04/1996	7.5	8.0	
207	8	23.01.15.0994	Nguyễn Hồng	Hà	Nam	25/06/1997	7.5	7.0	
208	9	23.01.15.0998	Triệu Thu	Hằng	Nữ	23/01/1993	8.5	8.5	
209	10	23.01.15.1000	Trương Thị	Hiền	Nữ	28/01/1990	8.5	8.5	
210	11	23.01.15.1008	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	03/08/1995	8.0	7.5	
211	12	23.01.15.1010	Đặng Văn	Hường	Nam	05/03/1995	8.0	8.0	
212	13	23.01.15.1012	Trương Lâm	Kỳ	Nam	03/07/1996	8.5	8.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
213	14	23.01.15.1013	Lê Thị Yên	Lan	Nữ	21/02/1986	8.5	8.0	
214	15	23.01.15.1014	Phan Thị Tuyết	Lê	Nữ	14/09/1996	8.5	7.5	
215	16	23.01.15.1017	Hà Thị Mỹ	Linh	Nữ	03/09/1995	8.0	7.5	
216	17	23.01.15.1020	Thông Thị	Linh	Nữ	15/12/1990	7.5	7.5	
217	18	23.01.15.1021	Huỳnh Thị Hoài	Lộc	Nữ	31/08/1996	7.5	8.5	
218	19	23.01.15.1023	Trần Thị	Luyến	Nữ	19/01/1995	7.5	7.5	
219	20	23.01.15.1024	Doãn Thị	Ly	Nữ	14/03/1995	7.5	8.0	
220	21	23.01.15.1027	Tôn Thị	Minh	Nữ	04/02/1996	7.5	7.5	
221	22	23.01.15.1032	Đào Thành	Nam	Nam	25/02/1993	8.0	7.0	
222	23	23.01.15.1034	Nguyễn Hồ Thảo	Ngân	Nữ	13/09/1994	7.5	8.5	
223	24	23.01.15.1039	Huỳnh Ngọc	Nguyên	Nam	06/02/1996	8.0	8.0	
224	25	23.01.15.1040	Hoàng Thị	Nhung	Nữ	13/08/1994	8.0	7.5	
225	26	23.01.15.1047	Trần Thị	Phương	Nữ	26/12/1993	8.5	8.0	
226	27	23.01.15.1049	Nguyễn Minh	Tân	Nam	20/09/1988	8.0	8.5	
227	28	23.01.15.1053	Trần Hữu	Thịnh	Nam	08/08/1995	8.5	8.5	
228	29	23.01.15.1054	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	23/04/1995	8.5	7.0	
229	30	23.01.15.1056	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	22/04/1995	8.5	7.5	
230	31	23.01.15.1058	Nguyễn Minh	Thưởng	Nam	05/09/1996	8.0	8.0	
231	32	23.01.15.1061	Trần Thị Phương	Tiền	Nữ	29/08/1993	7.5	8.5	
232	33	23.01.15.1062	Phạm Nhật	Tín	Nam	24/10/1995	8.0	8.5	
233	34	23.01.15.1067	Nguyễn Anh	Trúc	Nữ	29/10/1994	8.5	7.5	
234	35	23.01.15.1068	Phạm Sơn	Tùng	Nam	24/07/1995	8.0	7.0	
235	36	23.01.15.1069	Nguyễn Hoàng	Tú	Nam	16/06/1994	8.0	8.0	
9. TAI MŨI HỌNG (37)									
236	1	23.01.16.1073	Lê Thu	An	Nữ	12/09/1991	8.0	8.5	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
237	2	23.01.16.1075	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	13/09/1995	8.5	8.5	
238	3	23.01.16.1076	Đinh Thị Thanh	Bình	Nữ	20/12/1990	8.0	9.0	
239	4	23.01.16.1077	Nguyễn Viễn	Cường	Nam	06/11/1996	8.5	9.0	
240	5	23.01.16.1078	Nguyễn Lê Kỳ	Duyên	Nữ	21/03/1996	8.5	8.5	
241	6	23.01.16.1079	Nhâm Tấn	Đạt	Nam	20/06/1992	6.5	7.0	
242	7	23.01.16.1081	Tô Phương	Hà	Nữ	21/03/1995	8.5	9.0	
243	8	23.01.16.1083	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	25/10/1981	8.5	8.5	
244	9	23.01.16.1085	Hồ Xuân	Hoàng	Nam	10/10/1993	7.5	8.0	
245	10	23.01.16.1086	Nhữ Thị	Hương	Nữ	02/01/1993	8.5	8.5	
246	11	23.01.16.1087	Phạm Thành	Kha	Nam	29/01/1995	8.5	8.0	
247	12	23.01.16.1088	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	21/10/1996	8.5	8.5	
248	13	23.01.16.1089	Phạm Hoàng	Long	Nam	12/07/1996	7.5	8.0	
249	14	23.01.16.1090	Bùi Thị	Lương	Nữ	10/03/1994	8.0	9.0	
250	15	23.01.16.1091	Phạm Thị Ái	Mỹ	Nữ	26/02/1993	8.0	9.0	
251	16	23.01.16.1092	Nguyễn Duy	Nam	Nam	14/06/1994	7.5	8.0	
252	17	23.01.16.1093	Nguyễn Thị	Nam	Nữ	18/03/1988	8.0	8.0	
253	18	23.01.16.1094	Nguyễn Thanh	Nguyên	Nam	07/09/1987	7.0	8.0	
254	19	23.01.16.1095	Nguyễn Quang	Nhật	Nam	22/04/1994	9.0	8.5	
255	20	23.01.16.1096	Châu Thị Xuyên	Như	Nữ	20/07/1987	8.0	8.5	
256	21	23.01.16.1097	Ma Thị Kim	Oanh	Nữ	01/08/1986	7.5	8.5	
257	22	23.01.16.1098	Nguyễn Thanh	Phú	Nam	09/07/1995	7.5	9.0	
258	23	23.01.16.1099	Trần Huỳnh Hoàng	Phúc	Nữ	02/06/1988	7.5	8.0	
259	24	23.01.16.1100	Miêu Duy	Phương	Nam	26/08/1996	8.0	8.5	
260	25	23.01.16.1101	Châu Nguyễn Ngọc	Sang	Nam	22/12/1995	8.0	8.5	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
261	26	23.01.16.1102	Tô Ngọc Minh	Tân	Nữ	31/12/1996	8.5	8.5	
262	27	23.01.16.1103	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	18/03/1995	9.0	8.5	
263	28	23.01.16.1106	Lưu Thị Phương	Thủy	Nữ	08/01/1994	6.5	8.0	
264	29	23.01.16.1107	Bùi Thị Thùy	Trang	Nữ	29/03/1996	8.0	9.0	
265	30	23.01.16.1108	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	03/10/1989	6.5	7.5	
266	31	23.01.16.1109	Phạm Đình	Triết	Nam	08/09/1995	7.0	8.0	
267	32	23.01.16.1110	Phạm Ngọc Như	Trinh	Nữ	04/12/1994	8.0	8.5	
268	33	23.01.16.1111	Đoàn Minh	Tú	Nam	20/11/1994	5.5	7.5	
269	34	23.01.16.1112	Vũ Thế	Vinh	Nam	28/01/1996	8.5	8.0	
270	35	23.01.16.1113	Phạm Tuấn	Vũ	Nam	01/02/1990	7.5	8.0	
271	36	23.01.16.1114	Vũ Thị Hải	Yến	Nữ	18/06/1996	8.0	8.5	
272	37	22.01.16.0963	Trần Thị Kim	Liên	Nữ	06/10/1986	8.0	8.0	NK 2022
10. Y HỌC GIA ĐÌNH (22)									
273	1	22.01.22.1048	Cao Lê Tuấn	Anh	Nam	26/05/1986	6.0	6.0	NK 2022
274	2	22.01.22.1072	Nguyễn Thành	Trung	Nam	10/05/1993	6.0	6.0	NK 2022
275	3	23.01.22.1200	Phạm Thị Mỹ	Chi	Nữ	21/03/1993	5.5	5.5	
276	4	23.01.22.1201	Huỳnh Hà	Duyên	Nữ	29/10/1995	7.5	6.0	
277	5	23.01.22.1202	Dương Quang	Đức	Nam	01/01/1992	6.0	5.0	
278	6	23.01.22.1203	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	10/09/1993	8.5	8.0	
279	7	23.01.22.1204	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	23/7/1991	7.5	7.0	
280	8	23.01.22.1208	Thanh Nguyễn	Hoảng	Nam	08/03/1994	6.5	6.0	
281	9	23.01.22.1209	Hoàng Thị Thu	Hồng	Nữ	08/12/1993	7.0	6.0	
282	10	23.01.22.1211	Tiêu Lương	Hung	Nam	09/08/1996	6.5	6.5	
283	11	23.01.22.1212	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	Nữ	11/11/1994	7.5	6.5	
284	12	23.01.22.1213	Đỗ Thị	Mây	Nữ	02/10/1990	5.5	6.5	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
285	13	23.01.22.1214	Nguyễn Trương Đức	Minh	Nam	16/11/1993	7.5	8.0	
286	14	23.01.22.1217	Phạm Tấn	Phát	Nam	12/02/1993	6.5	6.5	
287	15	23.01.22.1219	Đặng Thái	Sơn	Nam	19/10/1988	5.0	6.0	
288	16	23.01.22.1220	Nguyễn Thanh Long	Sơn	Nam	01/01/1992	7.5	6.5	
289	17	23.01.22.1221	Tô Thành	Tâm	Nam	02/05/1992	5.5	6.0	
290	18	23.01.22.1222	Nguyễn Thị Minh	Thanh	Nữ	05/01/1989	6.0	6.0	
291	19	23.01.22.1223	Phạm Vân	Thảo	Nữ	04/03/1994	6.5	7.0	
292	20	23.01.22.1224	Nguyễn Văn	Thiệt	Nam	20/11/1986	6.5	6.5	
293	21	23.01.22.1227	Tôn Thị Huyền	Trang	Nữ	23/12/1989	6.0	6.5	
294	22	23.01.22.1228	Nguyễn Thị Đông	Trình	Nữ	15/07/1994	8.5	7.0	
11. GÂY MÊ HỒI SỨC (25)									
295	1	23.01.05.0433	Đinh Thị Thiện	Ánh	Nữ	04/11/1995	7.5	7.5	
296	2	23.01.05.0435	Từ Nguyễn Anh	Duy	Nam	20/12/1989	7.0	6.0	
297	3	23.01.05.0437	Lê Anh	Dũng	Nam	05/09/1996	7.0	6.5	
298	4	23.01.05.0439	Nguyễn Mạnh	Đán	Nam	31/05/1995	7.5	6.5	
299	5	23.01.05.0446	Đinh Lê Thị Kim	Hoàng	Nữ	12/06/1991	6.0	7.0	
300	6	23.01.05.0448	Trịnh Thị Thu	Hương	Nữ	20/09/1994	8.0	7.5	
301	7	23.01.05.0451	Phan Văn	Khương	Nam	15/06/1996	6.0	6.0	
302	8	23.01.05.0456	Nguyễn Quang	Minh	Nam	28/10/1995	8.0	5.0	
303	9	23.01.05.0457	Nguyễn Vũ Trọng	Nhân	Nam	19/04/1995	6.5	5.5	
304	10	23.01.05.0458	Dương Hoàng	Phi	Nam	15/01/1995	7.0	6.0	
305	11	23.01.05.0461	Ngô Ngọc	Quang	Nam	03/10/1992	7.5	6.5	
306	12	23.01.05.0467	Lê Thiên	Thi	Nam	17/03/1996	7.0	7.5	
307	13	23.01.05.0468	Phạm Hoàng	Thông	Nam	29/07/1996	7.0	6.5	
308	14	23.01.05.0471	Cao Thủy	Tiên	Nữ	27/08/1994	7.5	7.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
309	15	23.01.05.0472	Võ Quang	Tiến	Nam	10/05/1995	8.0	7.5	
310	16	23.01.05.0473	Mai Nhật	Toàn	Nam	31/07/1993	7.5	7.0	
311	17	23.01.05.0474	Trần Phương	Trang	Nữ	24/12/1995	7.0	7.0	
312	18	23.01.05.0480	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	24/07/1993	7.0	7.5	
313	19	23.01.05.0481	Nguyễn Hà Quang	Vinh	Nam	11/12/1995	6.5	6.5	
314	20	23.01.05.0482	Trần Châu	Vinh	Nam	22/06/1989	6.5	6.5	
315	21	23.01.05.0483	Vũ Nguyễn Thanh	Vy	Nữ	30/03/1995	6.5	7.5	
316	22	23.01.05.0485	Thị Bé	Xuân	Nữ	17/09/1993	6.5	7.5	
317	23	22.01.05.0388	Đinh Thị Quỳnh	Như	Nữ	31/01/1993	7.0	7.0	NK 2022
318	24	22.01.05.0366	Phan Hoàng Uyển	Dung	Nữ	14/07/1994	7.0	8.0	NK 2022
319	25	22.01.05.0382	Trần Huyền	Linh	Nữ	18/01/1993	6.0	7.0	THTN NK 2022
12. HỒI SỨC CẤP CỨU - CHỐNG ĐỘC (33)									
320	1	23.01.06.0489	Nguyễn Công	Duy	Nam	20/03/1990	8.0	7.0	
321	2	23.01.06.0490	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Duy	Nam	06/03/1995	7.0	8.0	
322	3	23.01.06.0492	Lê Hồ Tùng	Dương	Nam	25/09/1995	7.0	6.5	
323	4	23.01.06.0493	Lê Tùng	Dương	Nam	03/07/1995	6.5	7.0	
324	5	23.01.06.0494	Trương Cao	Đường	Nam	26/01/1989	7.0	6.0	
325	6	23.01.06.0498	Bùi Khang	Hi	Nam	23/02/1995	7.5	7.5	
326	7	23.01.06.0500	Nguyễn Minh	Hiệp	Nam	12/10/1993	7.5	7.0	
327	8	23.01.06.0502	Đặng Chí	Hung	Nam	28/02/1996	7.0	7.5	
328	9	23.01.06.0506	Nguyễn Hữu	Khôi	Nam	08/07/1996	7.5	8.0	
329	10	23.01.06.0507	Hồ Lê Hoàng	Lam	Nam	18/03/1994	7.5	7.0	
330	11	23.01.06.0508	Thái Thị Xuân	Linh	Nữ	17/10/1995	7.5	7.5	
331	12	23.01.06.0509	Đặng Xuân	Long	Nam	20/03/1994	8.5	7.0	
332	13	23.01.06.0510	Nguyễn Văn	Lương	Nam	05/06/1993	8.0	7.5	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
333	14	23.01.06.0512	Trương Minh	Mẫn	Nam	23/08/1993	8.0	8.0	
334	15	23.01.06.0514	Nguyễn Phương	Nam	Nam	02/08/1995	7.0	8.5	
335	16	23.01.06.0517	Danh Thị Bé	Ngoan	Nữ	06/02/1989	8.0	7.0	
336	17	23.01.06.0518	Nguyễn Đình	Nguyên	Nam	22/09/1995	7.5	7.0	
337	18	23.01.06.0521	Kiều Thanh	Phong	Nam	19/07/1996	8.0	9.0	
338	19	23.01.06.0522	Bùi Ngọc Vĩnh	Phúc	Nam	03/04/1996	7.5	8.0	
339	20	23.01.06.0523	Lương Hồng	Phúc	Nam	19/04/1995	7.5	7.5	
340	21	23.01.06.0524	Nguyễn Hữu	Phục	Nam	27/12/1991	7.0	7.5	
341	22	23.01.06.0526	Phạm Minh	Quang	Nam	04/02/1993	8.0	7.0	
342	23	23.01.06.0527	Bùi Ngọc Diễm	Sương	Nữ	01/03/1995	7.5	7.5	
343	24	23.01.06.0528	Đoàn Thị Hồng	Sương	Nữ	09/09/1990	6.5	7.0	
344	25	23.01.06.0530	Lê Mậu	Thìn	Nam	01/04/1988	6.5	8.0	
345	26	23.01.06.0532	Lê Hoàng Đức	Toàn	Nam	14/10/1988	8.0	8.0	
346	27	23.01.06.0533	Phạm Thanh	Trọng	Nam	02/09/1996	8.0	8.0	
347	28	23.01.06.0534	Bành Như Thanh	Trúc	Nữ	04/12/1994	7.5	9.0	
348	29	23.01.06.0536	Nguyễn Đoàn Anh	Tuấn	Nam	03/11/1996	7.5	8.0	
349	30	23.01.06.0537	Vũ Phan Anh	Tuấn	Nam	03/12/1993	7.0	9.0	
350	31	23.01.06.0539	Trần Thiên	Tường	Nam	30/10/1995	8.0	7.0	
351	32	23.01.06.0541	Trần Trung	Việt	Nam	01/08/1995	7.5	7.5	
352	33	23.01.06.0542	Lê Ngọc	Vũ	Nam	27/07/1995	8.0	7.5	
13. HUYẾT HỌC-TRUYỀN MÁU (5)									
353	1	23.01.07.1153	Phạm Thái Ngân	Hà	Nữ	01/10/1995	7.0	9.0	
354	2	23.01.07.1154	Phú Thị Mỹ	Hải	Nữ	25/12/1994	5.0	8.5	
355	3	23.01.07.1155	Đặng Hoàng Mỹ	Lan	Nữ	10/08/1993	5.0	7.5	
356	4	23.01.07.1156	Nguyễn Văn	Luyện	Nam	30/10/1994	5.5	8.5	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
357	5	23.01.07.1158	Nguyễn Sĩ Hoàn	Thiện	Nam	25/01/1992	6.0	7.5	
		14. NHÂN KHOA (21)							
378	1	23.01.08.0544	Trần Đức	Bằng	Nam	12/11/1995	6.0	7.5	
359	2	23.01.08.0546	Đặng Ngọc	Chiến	Nam	02/08/1995	6.5	7.0	
360	3	23.01.08.0547	Nguyễn Huy	Cường	Nam	20/10/1995	6.5	8.5	
361	4	23.01.08.0550	Ngô Huỳnh	Đạt	Nam	23/05/1996	6.0	8.0	
362	5	23.01.08.0551	Hà Minh	Đức	Nam	06/01/1988	9.5	9.0	
363	6	23.01.08.0553	Võ Minh	Hiếu	Nam	13/07/1993	8.5	8.5	
364	7	23.01.08.0556	Trần Minh	Huân	Nam	18/02/1995	9.0	8.5	
365	8	23.01.08.0558	Lê Thị	Huyền	Nữ	02/04/1987	10.0	8.0	
366	9	23.01.08.0559	Trần Văn	Hùng	Nam	22/10/1995	9.5	8.5	
367	10	23.01.08.0560	Lê Thị Mai	Hương	Nữ	24/08/1994	7.0	7.5	
368	11	23.01.08.0561	Lê Thị Ngọc	Linh	Nữ	21/10/1996	8.5	9.0	
369	12	23.01.08.0562	Trần Quang	Minh	Nam	28/03/1992	7.5	8.5	
370	13	23.01.08.0566	Đỗ Anh	Phượng	Nữ	04/10/1990	8.5	9.0	
371	14	23.01.08.0568	Kpă	Ruxa	Nam	08/12/1992	7.5	8.5	
372	15	23.01.08.0569	Lưu Thị Hồng	Thắm	Nữ	07/02/1995	8.5	8.5	
373	16	23.01.08.0570	Nguyễn Phú	Thịnh	Nam	26/11/1996	9.5	8.0	
374	17	23.01.08.0572	Nguyễn Đình	Thy	Nam	31/07/1993	10.0	9.0	
375	18	23.01.08.0574	Trần Thuý	Trang	Nữ	11/12/1995	8.5	9.0	
376	19	23.01.08.0577	Nguyễn Đình	Trung	Nam	08/11/1997	9.5	8.5	
377	20	23.01.08.0580	Nguyễn Lê Thảo	Vi	Nữ	03/09/1995	9.5	7.5	
378	21	23.01.08.0582	Nguyễn Phượng	Vỹ	Nữ	12/01/1995	8.5	8.0	
		15. NHI KHOA (42)							
379	1	23.01.09.0583	Huỳnh Lan	Anh	Nữ	08/10/1993	8.0	8.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
380	2	23.01.09.0584	H' Nuôn	Ayun	Nữ	10/10/1984	6.0	6.5	
381	3	23.01.09.0586	Cao Xuân An	Bình	Nam	18/05/1990	7.5	7.5	
382	4	23.01.09.0587	Nguyễn Ngọc	Châu	Nữ	15/01/1996	8.0	8.0	
383	5	23.01.09.0588	Ka	Dêm	Nữ	22/11/1987	8.0	8.5	
384	6	23.01.09.0592	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	19/12/1982	8.5	6.0	
385	7	23.01.09.0593	Đình Hoàng Thanh	Hải	Nam	20/06/1990	7.5	9.0	
386	8	23.01.09.0595	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	19/12/1994	8.0	8.5	
387	9	23.01.09.0597	Hứa Thị	Hiền	Nữ	05/02/1991	7.0	9.0	
388	10	23.01.09.0599	Hứa Thị Thu	Huyền	Nữ	09/10/1990	8.0	7.5	
389	11	23.01.09.0600	Lê Văn	Hướng	Nam	23/02/1994	9.0	5.0	
390	12	23.01.09.0602	Lương Trung	Kiên	Nam	20/10/1995	7.0	9.0	
391	13	23.01.09.0603	Nguyễn Thiên	Kim	Nữ	06/10/1993	9.0	8.0	
392	14	23.01.09.0604	Y Tí	Kjê	Nam	01/01/1990	7.0	6.5	
393	15	23.01.09.0605	Lưu Mỹ	Linh	Nữ	19/12/1997	8.0	7.0	
394	16	23.01.09.0608	Nguyễn Minh	Luân	Nam	02/09/1995	8.5	6.5	
395	17	23.01.09.0609	Từ Minh	Lượn	Nam	03/07/1993	7.0	7.5	
396	18	23.01.09.0613	Trần Hoàng	Nam	Nam	19/10/1995	8.0	7.0	
397	19	23.01.09.0614	Liêu Thiên	Nghệ	Nam	07/03/1993	8.5	9.0	
398	20	23.01.09.0615	Lục Sỹ	Nguyên	Nam	14/08/1995	8.0	8.0	
399	21	23.01.09.0616	Nguyễn Ngọc	Nhi	Nữ	21/03/1996	8.5	6.5	
400	22	23.01.09.0617	Thạch Ngọc Yến	Nhi	Nữ	19/03/1990	8.5	8.0	
401	23	23.01.09.0618	Đào Thị Yến	Như	Nữ	11/01/1995	7.5	7.5	
402	24	23.01.09.0619	Hà Thị	Oanh	Nữ	17/01/1993	8.5	7.5	
403	25	23.01.09.0620	Lê Thị Hồng	Phúc	Nữ	31/01/1991	8.0	6.5	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
404	26	23.01.09.0621	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	Nữ	25/09/1996	7.0	8.5	
405	27	23.01.09.0623	Nguyễn Thanh	Phương	Nam	15/03/1995	7.5	9.0	
406	28	23.01.09.0625	Lê Thị Bích	Phượng	Nữ	25/03/1993	9.0	9.0	
407	29	23.01.09.0626	Nguyễn Minh	Quân	Nam	04/05/1995	7.5	6.0	
408	30	23.01.09.0627	Trần Hoàng Ngọc	Quyên	Nữ	06/11/1995	8.0	8.0	
409	31	23.01.09.0629	Trương Nguyễn Hồng	Sinh	Nữ	08/10/1988	7.5	9.0	
410	32	23.01.09.0632	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	20/12/1986	8.0	9.0	
411	33	23.01.09.0634	Nguyễn Đoàn Thanh	Thanh	Nữ	23/08/1994	7.0	7.5	
412	34	23.01.09.0635	Nguyễn Thị Kim	Thanh	Nữ	24/03/1992	8.0	8.0	
413	35	23.01.09.0636	Lê Quang	Thành	Nam	09/07/1996	8.5	8.0	
414	36	23.01.09.0638	Quách Hoàng Hạnh	Thảo	Nữ	27/04/1994	7.0	8.5	
415	37	23.01.09.0639	Nguyễn Mộng Hoài	Thu	Nữ	02/12/1994	7.5	8.0	
416	38	23.01.09.0640	Phạm Thị Thu	Thùy	Nữ	06/01/1995	8.0	7.5	
417	39	23.01.09.0641	Trần Thị Hồ	Thùy	Nữ	06/09/1986	7.5	6.5	
418	40	23.01.09.0643	Đỗ Vũ Thùy	Trang	Nữ	15/09/1983	8.0	7.5	
419	41	23.01.09.0647	Lê Trúc	Vi	Nữ	25/10/1988	8.5	8.0	
420	42	22.01.09.0461	Nguyễn Phi Diễm	Ái	Nữ	05/01/1994	8.5	8.5	NK 2022
16. NỘI TỔNG QUÁT (60)									
421	1	23.01.10.0652	Võ Lâm Vân	Anh	Nữ	19/02/1993	7.0	5.5	
422	2	23.01.10.0657	Mai Văn	Châu	Nam	23/07/1990	8.0	6.0	
423	3	23.01.10.0667	Lê Trần	Duy	Nam	10/10/1993	6.5	6.0	
424	4	23.01.10.0670	Nguyễn Đình	Duy	Nam	13/03/1997	7.5	6.5	
425	5	23.01.10.0677	Trần Thái Linh	Đan	Nữ	13/11/1996	7.0	7.0	
426	6	23.01.10.0678	Huỳnh Trường	Đang	Nam	18/05/1996	7.0	6.5	
427	7	23.01.10.0684	Nguyễn Ngô Xuân	Đoàn	Nam	21/02/1995	7.0	5.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
428	8	23.01.10.0685	Nguyễn Tấn	Đức	Nam	01/01/1995	6.5	7.0	
429	9	23.01.10.0691	Mai Thị Ngọc	Hà	Nữ	15/01/1992	6.5	5.5	
430	10	23.01.10.0703	Phùng Dương Chí	Hiếu	Nam	30/11/1996	7.0	6.0	
431	11	23.01.10.0709	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	14/12/1995	7.0	5.5	
432	12	23.01.10.0711	Trần Quốc	Hoàng	Nam	10/08/1995	6.5	5.0	
433	13	23.01.10.0714	Huỳnh Đào Nhật	Huy	Nam	27/08/1996	7.0	6.5	
434	14	23.01.10.0716	Phan Việt	Hùng	Nam	04/03/1996	7.5	5.5	
435	15	23.01.10.0721	Nguyễn Phúc	Khang	Nam	11/08/1996	6.5	5.5	
436	16	23.01.10.0736	Văn Thế	Long	Nam	10/06/1995	7.0	6.0	
437	17	23.01.10.0740	Trần Tấn	Mạnh	Nam	10/02/1996	7.0	6.5	
438	18	23.01.10.0747	Nguyễn Sơn	Nam	Nam	09/12/1993	7.5	6.5	
439	19	23.01.10.0749	Bùi Châu Uyên	Ngọc	Nữ	06/03/1992	6.0	6.0	
440	20	23.01.10.0751	Sử Tú	Ngọc	Nữ	05/11/1994	7.5	5.0	
441	21	23.01.10.0756	Hồ Thị Hạnh	Nguyên	Nữ	26/12/1995	7.0	6.5	
442	22	23.01.10.0762	Võ Thị Ái	Nhân	Nữ	25/03/1996	7.0	5.0	
443	23	23.01.10.0766	Phan Hà Thảo	Nhi	Nữ	13/09/1995	6.5	6.0	
444	24	23.01.10.0768	Đỗ Nguyễn Thùy	Nhiên	Nữ	12/11/1995	7.0	7.0	
445	25	23.01.10.0769	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	Nữ	03/11/1996	7.5	6.0	
446	26	23.01.10.0772	Lê Quỳnh	Như	Nữ	03/03/1994	7.0	6.0	
447	27	23.01.10.0775	Y Cường	Niê	Nam	29/12/1996	7.0	5.0	
448	28	23.01.10.0777	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	08/11/1994	7.0	5.0	
449	29	23.01.10.0780	Lê Hồng	Phi	Nam	16/05/1995	6.0	7.0	
450	30	23.01.10.0786	Phạm Nguyễn Ngọc	Phú	Nam	24/07/1995	7.0	5.0	
451	31	23.01.10.0788	Tiêu Hoàng	Phúc	Nam	01/01/1993	7.0	6.5	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
452	32	23.01.10. 0793	Trần Ngọc Diễm	Phuong	Nữ	17/08/1995	7.0	5.5	
453	33	23.01.10. 0794	Trương Thanh	Phuong	Nam	03/05/1989	7.5	5.0	
454	34	23.01.10. 0797	Phùng Nguyên	Quân	Nam	07/02/1994	7.0	6.0	
455	35	23.01.10. 0798	Lê Minh	Quyết	Nam	15/04/1993	7.0	6.5	
456	36	23.01.10. 0801	Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	21/08/1995	6.5	6.5	
457	37	23.01.10. 0802	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	14/07/1993	7.0	6.5	
458	38	23.01.10. 0803	Nguyễn Văn	Quỳnh	Nam	09/03/1994	5.5	5.0	
459	39	23.01.10. 0805	Trần Xuân	Sinh	Nam	28/02/1993	7.5	5.5	
460	40	23.01.10. 0808	Hồ Trịnh	Tâm	Nữ	15/09/1992	6.5	5.0	
461	41	23.01.10. 0824	Lê Nguyên Ngọc	Thảo	Nữ	18/11/1995	7.0	6.5	
462	42	23.01.10. 0827	Trương Hoài Nguyên	Thảo	Nam	01/01/1993	7.5	6.0	
463	43	23.01.10. 0834	Đình Minh	Thế	Nam	15/02/1995	7.5	6.0	
464	44	23.01.10. 0836	Kră Jăn Ha	Thim	Nam	15/10/1993	7.0	7.0	
465	45	23.01.10. 0837	Phạm Đức	Thịnh	Nam	31/01/1992	7.0	5.0	
466	46	23.01.10. 0843	Võ Văn	Thuận	Nam	15/11/1993	7.5	7.5	
467	47	23.01.10. 0850	Trần Thị Ngọc	Thúy	Nữ	04/08/1990	8.5	6.5	
468	48	23.01.10. 0851	Hồ Phạm Anh	Thư	Nữ	26/06/1994	7.0	5.0	
469	49	23.01.10. 0858	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	18/05/1991	7.5	6.5	
470	50	23.01.10. 0859	Mông Lô Thị	Trâm	Nữ	18/04/1992	6.5	5.0	
471	51	23.01.10. 0875	Đỗ Công	Tuấn	Nam	18/11/1995	7.0	5.5	
472	52	23.01.10. 0876	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	15/11/1994	7.0	7.0	
473	53	23.01.10. 0885	Nguyễn Đình Thùy	Vân	Nữ	18/10/1995	7.0	5.5	
474	54	23.01.10. 0888	Nguyễn Thị Tường	Vi	Nữ	06/02/1993	7.0	6.0	
475	55	23.01.10. 0894	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	18/12/1995	7.0	7.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
476	56	22.01.10.0544	Hoàng Bảo	Chiêu	Nam	17/06/1995	7.0	7.0	NK 2022
477	57	22.01.10.0545	Lâm Thị Kim	Chúc	Nữ	05/03/1992	7.5	7.0	NK 2022
478	58	22.01.10.0543	Nguyễn Bình	Chiêu	Nam	12/08/1991	6.5	5.0	LTTN NK 2022
479	59	22.01.10.0588	Liêu Quốc	Huy	Nam	05/10/1989	5.5	6.0	THTH NK 2022
480	60	22.01.10.0623	Nguyễn Thị	Nghĩa	Nữ	02/08/1995	7.0	6.5	LTTN NK 2022
17. NGOẠI TỔNG QUÁT (26)									
481	1	23.01.12.0902	Hàng Thế	Cơ	Nam	19/10/1994	7.5	8.0	
482	2	23.01.12.0903	Lê Tấn	Cường	Nam	29/10/1995	7.0	8.0	
483	3	23.01.12.0904	Trang Tài	Danh	Nam	29/03/1993	9.5	8.5	
484	4	23.01.12.0905	Lê Minh	Đại	Nam	11/10/1994	9.0	8.0	
485	5	23.01.12.0906	Lê Minh	Đức	Nam	19/02/1994	7.0	8.0	
486	6	23.01.12.0907	Lê Nguyễn Trường	Giang	Nam	24/02/1993	7.5	9.0	
487	7	23.01.12.0908	Thạch Thị Thanh	Hiền	Nữ	13/03/1992	7.5	9.0	
488	8	23.01.12.0909	Ngô Minh	Hiếu	Nam	27/03/1996	8.0	9.0	
489	9	23.01.12.0911	Hoàng Mạnh	Hùng	Nam	02/09/1993	6.0	9.0	
490	10	23.01.12.0912	Trần Duy	Khánh	Nam	16/06/1991	6.5	9.0	
491	11	23.01.12.0913	Huỳnh Giáp Đăng	Khoa	Nam	01/04/1993	7.0	9.0	
492	12	23.01.12.0914	Son Ngọc	Khởi	Nam	04/09/1992	7.0	9.0	
493	13	23.01.12.0915	Hồ Hoàng	Lam	Nam	15/07/1991	5.5	9.0	
494	14	23.01.12.0916	Khổng Thị Mỹ	Liên	Nữ	30/06/1992	7.0	9.0	
495	15	23.01.12.0918	Mẫn Đức	Nam	Nam	04/11/1994	6.5	9.0	
496	16	23.01.12.0920	Nguyễn Văn	Nội	Nam	05/11/1982	6.5	9.0	
497	17	23.01.12.0919	Danh	Nhàn	Nam	17/01/1992	7.0	9.0	
498	18	23.01.12.0921	Khuru Tấn	Phát	Nam	17/07/1995	7.0	9.0	
499	19	23.01.12.0923	Đậu Đình	Tài	Nam	18/09/1991	5.5	9.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
500	20	23.01.12.0924	Cao Chí	Tâm	Nam	17/11/1995	7.5	9.0	
501	21	23.01.12.0925	Lê Nhân	Tâm	Nữ	11/02/1995	7.0	8.0	
502	22	23.01.12.0926	Phạm Hữu	Tân	Nam	18/12/1995	8.0	8.0	
503	23	23.01.12.0927	Trần Đình	Tân	Nam	10/06/1995	7.0	8.5	
504	24	23.01.12.0928	Phạm Đức	Trung	Nam	25/12/1997	7.0	8.0	
505	25	23.01.12.0929	Trần Thành	Viên	Nam	09/07/1995	6.5	8.0	
506	26	22.01.12.0785	Dương Thanh	Tú	Nam	06/10/1994	6.5	8.0	NK 2022
		18. TÂM THẦN (5)							
507	1	23.01.18.1146	Vũ Xuân	Hải	Nam	21/09/1988	7.0	8.5	
508	2	23.01.18.1147	Huỳnh Văn	Hoàng	Nam	10/10/1973	7.5	8.5	
509	3	23.01.18.1148	Nguyễn Xuân	Phong	Nam	04/02/1991	8.5	8.5	
510	4	23.01.18.1149	Ngô Thế Thuận	Thiện	Nam	20/02/1994	8.5	7.5	
511	5	23.01.18.1151	Bùi Thị Thuý	Trang	Nữ	29/05/1986	8.0	8.5	
		19. THẦN KINH (29)							
512	1	22.01.17.0999	Ngô Hữu Đông	Thành	Nam	20/08/1993	8.0	8.5	NK 2022
513	2	23.01.17.1115	Mai Thị Chúc	Anh	Nữ	21/04/1995	9.0	8.0	
514	3	23.01.17.1116	Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	05/11/1993	8.0	7.0	
515	4	23.01.17.1118	Lê Ngọc Minh	Châu	Nữ	15/11/1995	9.0	5.0	
516	5	23.01.17.1119	Đỗ Minh	Chiến	Nam	16/01/1994	9.0	7.5	
517	6	23.01.17.1120	Danh Minh	Dũng	Nam	01/01/1993	8.0	8.5	
518	7	23.01.17.1121	Trần Thị	Hà	Nữ	10/01/1995	9.0	8.0	
519	8	23.01.17.1123	Phạm Thị Kim	Hoàng	Nữ	10/11/1994	8.0	9.0	
520	9	23.01.17.1124	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	13/11/1995	8.0	7.0	
521	10	23.01.17.1125	Đào Thị Thu	Hương	Nữ	27/01/1993	9.0	8.0	
522	11	23.01.17.1126	Dương Kiều Diễm	My	Nữ	20/06/1989	9.0	8.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
523	12	23.01.17.1127	Ngô Thị Tuyết	Ngọc	Nữ	09/10/1995	8.0	7.0	
524	13	23.01.17.1128	Lê Trọng	Nhân	Nam	17/01/1996	8.0	9.0	
525	14	23.01.17.1129	Thạch Thị Hoàng	Nhi	Nữ	02/05/1995	8.0	5.0	
526	15	23.01.17.1130	Nguyễn Việt	Phúc	Nam	02/09/1995	9.0	7.0	
527	16	23.01.17.1131	Trương Minh	Tâm	Nam	25/09/1991	8.0	6.0	
528	17	23.01.17.1132	Đặng Vũ Anh	Thông	Nam	20/05/1995	7.0	7.0	
529	18	23.01.17.1133	Nguyễn Trọng	Thu	Nam	16/09/1995	9.0	8.0	
530	19	23.01.17.1134	Lê Xuân	Thuận	Nam	04/07/1996	9.0	8.5	
531	20	23.01.17.1135	Nguyễn Thị An	Thuyền	Nữ	28/09/1995	9.0	7.5	
532	21	23.01.17.1137	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	16/09/1993	8.0	6.0	
533	22	23.01.17.1138	Trần Thịnh	Toàn	Nam	08/05/1991	7.0	6.0	
534	23	23.01.17.1139	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	22/05/1995	8.0	8.5	
535	24	23.01.17.1140	Ngô Ngọc	Trân	Nữ	29/09/1996	9.0	8.0	
536	25	23.01.17.1141	Huỳnh Minh	Tuấn	Nam	25/06/1994	8.0	8.0	
537	26	23.01.17.1142	Phạm Hùng	Tuấn	Nam	26/04/1995	9.0	6.0	
538	27	23.01.17.1143	Phạm Ngọc	Tuấn	Nam	13/08/1995	8.0	8.0	
539	28	23.01.17.1144	Cao Nguyễn Tường	Vi	Nữ	10/07/1994	8.0	8.0	
540	29	23.01.17.1145	Nguyễn Văn	Vinh	Nam	06/11/1994	8.0	5.0	
20. TRUYỀN NHIỄM (5)									
541	1	23.01.19.1161	Nguyễn Trần Thường	Định	Nam	07/02/1996	8.5	8.0	
542	2	23.01.19.1167	Huỳnh Kim	Lạ	Nữ	11/07/1995	8.5	6.5	
543	3	23.01.19.1168	Tô Hoàng	Nguyên	Nam	14/06/1993	8.0	6.5	
544	4	23.01.19.1170	Mai Phạm Hồng	Phước	Nam	30/10/1995	9.0	6.5	
545	5	23.01.19.1176	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	Nữ	25/02/1995	8.5	5.5	
21. UNG BƯỚU (5)									

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	LTTN	THTN	GHI CHÚ
546	1	23.01.20.1179	Nguyễn Mạnh	Cần	Nam	01/09/1991	3.5	4.0	
547	2	23.01.20.1181	Bùi Thanh	Hiếu	Nam	13/09/1987	5.0	8.5	
548	3	23.01.20.1182	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	30/03/1996	6.5	4.0	
549	4	23.01.20.1183	Dương Thành	Kiên	Nam	05/11/1996	7.0	7.5	
550	5	23.01.20.1184	Thạch Minh	Phúc	Nam	04/06/1994	6.5	7.0	
22. XÉT NGHIỆM Y HỌC (9)									
551	1	23.01.21.1187	Đoàn Thị	Diệu	Nữ	30/11/1993	7.0	7.0	
552	2	23.01.21.1188	Bùi Minh	Hạnh	Nam	20/04/1983	7.0	7.8	
553	3	23.01.21.1190	Trần Thị Ngọc	Hương	Nữ	17/02/1988	6.0	7.5	
554	4	23.01.21.1192	Nguyễn La Phương	Thanh	Nữ	02/12/1980	6.0	9.1	
555	5	23.01.21.1193	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	11/11/1984	7.0	8.7	
556	6	23.01.21.1194	Trần Thị	Thoa	Nữ	07/12/1972	5.5	8.5	
557	7	23.01.21.1195	Nguyễn Thụy Hoàng	Trang	Nữ	06/12/1982	6.0	7.4	
558	8	23.01.21.1197	Phi Đình	Trọng	Nam	12/02/1996	7.5	8.0	
559	9	23.01.21.1198	Trần Ngọc Thúy	Uyên	Nữ	19/05/1979	6.5	7.0	

Danh sách gồm 559 học viên./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2025


TM. HỘI ĐỒNG
TRƯỞNG PHÓ CHỦ TỊCH
PGS. TS. DS Nguyễn Đăng Thoại
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH